

Số: 223/2018/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 02 tháng 5 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 180/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa:

- Người yêu cầu: Chị Phạm Đăng Túy B, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 24A đường M, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người yêu cầu: Anh Lê Văn M, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 100 đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Phạm Đăng Túy B và Anh Lê Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Lê Quốc A, sinh ngày 08/11/2000 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 15/3/2006 cho Chị Phạm Đăng Túy B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi cháu số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng (Tổng cộng là 10.000.000 đồng/tháng cho cả hai cháu) kể từ tháng 04/2018 cho đến khi các cháu Lê Quốc A, cháu Lê Văn T đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn M, sinh năm 1997, đã trưởng thành nên anh M và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết

về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Đăng Túy B và Anh Lê Văn M tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Phạm Đăng Túy B và Anh Lê Văn M xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Chị Phạm Đăng Túy B và Anh Lê Văn M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà chị B và anh M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/004752 ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị B, anh M đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường H;
- (ĐKKH số 44, ngày 08/8/1996)
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi